

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN VỤ BẢN
TRƯỜNG THCS MINH THUẬN

Số:/KH – THCSMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Minh Thuận, ngày 15 tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai các điều kiện dạy học, giáo dục

Năm học 2022-2023

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch năm học 2022-2023 của trường.

Ban giám hiệu trường THCS Minh Thuận lập Kế hoạch thực hiện công khai các điều kiện nhà trường năm học 2022-2023 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

- Nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng đồng trong công tác.

- Quản lý tốt việc thu, chi ngân sách cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể có tính đoàn kết nội bộ tốt.

- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng môi trường đoàn kết trong nội bộ trường học.

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT (theo Biểu mẫu 09, 10).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định nhà trường:

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 12).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

- Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

- Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. Hình thức và thời điểm công khai

a) Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường.

- Niêm yết công khai tại nhà trường.

- Công khai trong các kỳ họp, đại hội ban đại diện CMHS.

b) Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Thực hiện 4 kiểm tra.

- Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH Công đoàn cơ sở thường xuyên kiểm tra việc phân bổ ngân sách nhà nước cấp chi phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường, kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn, kinh phí chi cho mua sắm dụng cụ phục vụ trong nhà trường, kinh phí chi cho việc mua bổ sung tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên...

- Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH Công đoàn cơ sở: Kiểm tra các khoản thu đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh nộp kịp thời về nhà trường tránh tình trạng để tồn đọng tạ người thu.

- Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH Công đoàn cơ sở: Kiểm tra về chi ngân sách, chế độ cho Cán bộ, giáo viên, nhân viên, chế độ nâng lương và các khoản phụ cấp (nếu có).

- Ban thanh tra chuyên môn dưới sự chỉ đạo của BGH nhà trường kiểm tra chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ, theo lịch kiểm tra định kỳ trong năm.

V. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2021-2022 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2022-2023 trước 30/09/2022.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai các điều kiện nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2022-2023 của trường THCS Minh Thuận.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT (để báo cáo);
- Website;
- Công khai văn phòng trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã kí)

Trần Đình Hà

Biểu mẫu 09

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN VỤ BẢN TRƯỜNG THCS MINH THUẬN Số: /KH – MT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> Minh Thuận, ngày 15 tháng 8 năm 2022
--	---

THÔNG BÁO**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở****Năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp	
		Lớp 6	Lớp 7, 8, 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học. Có đầy đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, GCN hoàn thành chương trình tiểu học.	Học sinh xếp loại học lực và hạnh kiểm cuối năm học từ TB trở lên. Có đầy đủ học bạ, GKS hợp lệ.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình 37 tuần theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chương trình nhà trường. - Đảm bảo dạy đủ các môn học theo quy định. 	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường tổ chức giảng dạy và giáo dục học sinh theo qui định của Bộ GD & ĐT. - Gia đình quản lý việc học và làm bài ở nhà của học sinh; thường xuyên kết hợp chặt chẽ với nhà trường. - Học sinh chuẩn bị và làm bài đầy đủ, chủ động tích cực trong học tập. 	
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học	Đầy đủ phòng học và phòng chức năng phục vụ học tập.	

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp	
		Lớp 6	Lớp 7, 8, 9
	sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Trang thiết bị dạy học đầy đủ.	
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động và phong trào thi đua học tốt. - Tổ chức các phong trào giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật và phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bệnh tật. 	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có khả năng tiếp thu học tập ở cấp học cao hơn. - Trên 90% học sinh tham gia học tiếp sau tốt nghiệp THCS. 	

Minh Thuận, ngày 15 tháng 08 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã kí)

Trần Đình Hà

Biểu mẫu 10

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN VỤ BẢN TRƯỜNG THCS MINH THUẬN Số:....KH – MT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc <i>Minh Thuận, ngày 15 tháng 8 năm 2022</i>
--	--

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Năm học 2020-2021; 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số 12 lớp	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp6 3 lớp	Lớp7 3 lớp	Lớp8 3 lớp	Lớp9 3 lớp
I	Tổng hợp kết quả cuối năm 2020-2021	451	124	120	112	95
1	Lên lớp	411	113	107	96	95
	(tỷ lệ so với tổng số)	91,1	91,1	89,2	85,7	100
a	Học sinh giỏi	110	29	32	22	27
	(tỷ lệ so với tổng số)	24,39	23,4	26,7	19,6	28,4
b	Học sinh tiên tiến	186	56	44	38	48
	(tỷ lệ so với tổng số)	41,24	45,2	36,7	33,9	50,5
c	Học sinh TB	115	28	31	36	20
	(tỷ lệ so với tổng số)	22,5	22,6	25,8	32,1	21,1
2	Thi lại (yếu)	37	11	12	14	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	8,2	8,87	10	12,5	0
3	Lưu ban(sau thi lại)-Kém	3	0	1	2	1

STT	Nội dung	Tổng số 12 lớp	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp6 3 lớp	Lớp7 3 lớp	Lớp8 3 lớp	Lớp9 3 lớp
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,67	0	8,3	1,79	0
4	Chuyên trường đến/đi	5	2	0	0	2
	(tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	1	0	0	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,2	0	0	0,9	0
II	Số học sinh đạt giải các kỳ thi	33	0	3	0	19
1	Cấp huyện	28	1	0	17	10
2	Cấp tỉnh	5	0	0	2	3
III	Số HS dự xét tốt nghiệp THCS 2020-2021	95				95
IV	Số HS được công nhận tốt nghiệp THCS 2020-2021	95				95
1	Giỏi	20				20
	(tỷ lệ so với tổng số)	19,1				19,1
2	Khá	48				48
	(tỷ lệ % so với tổng số)	45,7				45,7
3	Trung bình	37				37
	(tỷ lệ so với tổng số)	35,2				35,2
V	Số học sinh nữ 2020-2021	210	59	54	45	52
VI	Số học sinh dân tộc thiểu số 2020-2021	0	0	0	1	0

STT	Nội dung	Tổng số 12 lớp	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp6 3 lớp	Lớp7 3 lớp	Lớp8 3 lớp	Lớp9 3 lớp
VII	Tổng hợp kết quả cuối năm 2021-20222	459	112	121	110	106
1	Lên lớp	457	112	120	109	105
	(tỷ lệ so với tổng số)	99,5	100	99,1	99,0	99,0
a	Học sinh giỏi	106	19	37	23	27
	(tỷ lệ so với tổng số)	24,39	23,4	26,7	19,6	28,4
b	Học sinh tiên tiến	157	55	51	47	59
	(tỷ lệ so với tổng số)	34,2	49,1	42,1	42,7	55,6
c	Học sinh TB	105	32	24	30	19
	(tỷ lệ so với tổng số)	22,8	28,5	19,8	27,2	17,9
2	Thi lại (yếu)	19	5	8	5	1
	(tỷ lệ so với tổng số)	4,2	4,4	6,6	4,5	0,9
3	Lưu ban(sau thi lại)-Kém	2	0	1	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,4	0	0,8	0,9	0
4	Chuyển trường đến/đi	5	2	0	1	2
	(tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh đạt giải các kỳ thi	10	0		0	9
1	Cấp huyện	9	1	0	1	8

STT	Nội dung	Tổng số 12 lớp	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp6 3 lớp	Lớp7 3 lớp	Lớp8 3 lớp	Lớp9 3 lớp
2	Cấp tỉnh	1	0	0	0	1
IV	Số HS dự xét tốt nghiệp THCS 2021-2022	106				106
X	Số HS được công nhận tốt nghiệp THCS 2021-2022	105				105
1	Giỏi	27				27
	(tỷ lệ so với tổng số)	25,7				25,7
2	Khá	59				59
	(tỷ lệ % so với tổng số)	55,6				55,6
3	Trung bình	19				19
	(tỷ lệ so với tổng số)	17,9				17,9
XI	Số học sinh nữ 2021-2022	209	56	57	52	44
XII	Số học sinh dân tộc thiểu số 2021-2022	1	0	0		1

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Đình Hà

Biểu mẫu 11

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN VỤ BẢN TRƯỜNG THCS MINH THUẬN <hr/> Số: ../KH – MT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> <i>Minh Thuận, ngày 15 tháng 8 năm 2022</i>
---	---

THÔNG BÁO**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở****Năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	18	-
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	37,8	50.25
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8957	19,7
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4.500	9,9
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	45	1,2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	56,8	1,5
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	14,4	0,37
3	Diện tích thư viện (m ²)	70	1,6
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng khác hội đồng sư phạm (m ²)	86	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp

1	Khối lớp 6	1	01/3 lớp
2	Khối lớp 7	1	01/3 lớp
3	Khối lớp 8	1	01/3 lớp
4	Khối lớp 9	1	02/3 lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	16	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	18	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà ăn, Nhà bếp	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	3		1		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh *					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

HIỆU TRƯỞNG
(Đã kí)

Trần Đình Hà**Biểu mẫu 12**

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN VỤ BẢN
TRƯỜNG THCS MINH THUẬN

Số /KH – MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Minh Thuận, ngày 15 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	Th S	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	25			19	4	2	0	10	13	0				
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	21	0	0	17	4									
1	- Toán học	6			3	3			3	3					
2	- Vật lý	2			1	1			2						
3	- Hóa học	1			1					1					
4	- Sinh học	1			1					1					
5	- Ngữ Văn	4			1	3			4						
6	- Lịch sử	0			0					0					
7	- GDCD	0													
8	- Tiếng Anh	2			2					2					
9	- Thể dục	2			2	0			2	0					
10	- Âm nhạc	1			1					1					

11	Mỹ thuật	1			1					1				
12	Tin học	1				1				1				
13	Địa lý	0												
14	Công nghệ	0												
II	Cán bộ quản lý	2			2					2				
1	Hiệu trưởng	1			1					1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1				
III	Nhân viên	2			2	2								
1	Nhân viên văn thư	0												
2	Nhân viên kế toán	0				0								
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1						1						
5	Nhân viên thư viện	1				1	0							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0				0								
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0												
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0												
9	...	0												

HIỆU TRƯỞNG

(Đã kí)

Trần Đình Hà

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN VỤ BẢN
TRƯỜNG THCS MINH THUẬN

Số:/KH – MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Minh Thuận, ngày 18 tháng 09 năm 2022

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về mức đóng góp trong năm học
của trường năm học 2022 - 2023**

Mức đóng góp trong năm học:

1. Các khoản đóng góp theo quy định
 - Học phí: 70.000đ/tháng (Văn bản năm 2021)
 - BHYT: 563.220/ HS/năm (12 tháng)
2. Các khoản đóng góp khác
 - Gửi xe: 10.000đ/HS/tháng
 - Học thêm: 4.000đ/HS/tiết
 - Nước uống: 8.000đ/ HS/tháng
3. Thu hộ
 - + Sổ liên lạc điện tử: 60.000 HS/ năm
 - + Vở, vở bài tập, đồng phục: Thu theo thực tế đăng ký tự nguyện và theo giá bìa và giá công khai đã thỏa thuận.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã kí)

Trần Đình Hà

